TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÈO VẠC** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 03 /2025/QĐST-HNGĐ	*Mèo Vạc, ngày 27 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Vừ Thị S, sinh năm 1998, địa chỉ: thôn N, xã N1, huyện M, tỉnh H. CCCD số 00... Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày ....

Bị đơn: Sùng Mí X, sinh năm 1998, địa chỉ: thôn N2, xã N1, huyện M, tỉnh H. CCCD số 00... Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày ....

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Vừ Thị S và anh Sùng Mí X.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Vừ Thị S và anh Sùng Mí X thuận tình ly hôn.
- Con chung: Hai anh chị nhất trí thỏa thuận (theo nguyện vọng của con):

Anh Sùng Mí X là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung là các cháu Sùng Mí N3 sinh ngày .../.../2017, Sùng Thị M1 sinh ngày .../.../2019, Sùng Mí C sinh ngày .../.../2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Vừ Thị S. không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Sùng Mí X..

Chị Vừ Thị S. được quyền đi lại, thăm nom con chung, anh Sùng Mí X. không được ngăn cản.

Việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

- Tải sản, công nợ chung: Anh chị không có, không đề nghị giải quyết.

- Án phí: áp dụng khoản 3, 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chị Vừ Thị S. tự nguyện chịu cả án phí HNGĐ – ST là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003770 ngày 25/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang, hoàn trả cho chị Vừ Thị S 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
(UBND xã Niêm Tòng)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Yên